

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/DS-ST

Ngày: 10-3-2025

V/v: Tranh chấp chia tài sản chung của
hộ gia đình và chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hồng**.

Ông Nguyễn Văn Bút.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ly** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1959. Nơi cư trú: Tổ 2, thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn H**, sinh năm: 1954. Nơi cư trú: Tổ 2, thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên:

+ Bà **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm: 1942. Nơi cư trú: Thôn Cẩm Toại Tây, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. **Người đại diện theo ủy quyền:** Bà **Quách Thị Thận**, sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn Cẩm Toại Tây, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Thận có mặt

+ Bà **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm: 1941. Nơi cư trú: Tổ 2, thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông **Nguyễn Hòa**, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

+ Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1952. Nơi cư trú: Thôn 3, xã Hà Lâm, huyện Đa Hoai, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông **Phan Duy H**, sinh năm: 1979 ; Nơi cư trú: Tổ 2, thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

+ Ông **Phan Duy H1**, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Tổ 2, thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

+ Ông **Phan Duy H2**, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Tổ 2, thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:* Cha mẹ tôi là ông Nguyễn Phận (Tên gọi khác là Nguyễn Quang Nghi) và bà Thái Thị Khâm. Cha mẹ tôi có 03 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn H và tôi là Nguyễn Thị P. Cha mẹ của ông Nguyễn Phận là ông Nguyễn Quang Đồng (chết năm 1955) và bà Phạm Thị Hộ (chết năm 1957). Cha mẹ của bà Thái Thị Khâm là ông Thái Khâm (chết năm 1954) và bà Phạm Thị Xoa (chết năm 1959). Ngoài ra, cha tôi ông Nguyễn Phận còn có một người con riêng là bà Nguyễn Thị Ph. Mẹ tôi bà Khâm cũng có một người con riêng là bà Nguyễn Thị Tr. Năm 1996, hộ gia đình ông Nguyễn Phận được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1210829 ngày 13/4/1996 đối với các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) tọa lạc tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tại thời điểm này hộ ông Phận gồm có 06 thành viên gồm: Ông P, bà Thái Thị Khâm, tôi là Nguyễn Thị P và các con của tôi là: Phan Duy H, Phan Duy H1 và Phan Duy H2. Ngày 03/9/1996, cha tôi là ông Nguyễn Phận chết không để lại di chúc. Lúc này, tôi cùng với mẹ là bà Thái Thị Khâm và các con tôi là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này. Đến năm 2002, mẹ tôi chết không để lại di chúc. Đến năm 2005, anh trai tôi là ông Nguyễn H từ chối nhận di sản thừa kế của cha mẹ tôi chết để lại và đồng ý để lại toàn bộ kỷ phần thừa kế được nhận của mình cho tôi. Việc này được anh H lập thành Giấy chuyển quyền thừa kế ghi ngày 26/7/2005 có xác nhận của Ban nhân dân thôn Phú Sơn Tây vào 12/11/2005. Đến năm 2021, tôi có ý định xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh trai tôi là ông Nguyễn H lại không đồng ý. Ông Hạnh cho rằng đây là tài sản của cha mẹ để lại nên nó là tài sản chung của các anh chị em trong gia đình, ông Hạnh là con trai do đó phải đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi nhiều lần đề nghị họp gia đình và làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhưng ông Hạnh đều không đồng ý. Do đó tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang giải quyết các vấn đề sau:

- Chia tài sản của hộ gia đình ông Nguyễn Phận cho 06 thành viên của hộ gia đình thành 06 phần bằng nhau gồm các ông bà: Ông Nguyễn Phận, bà Thái Thị Khâm, tôi là Nguyễn Thị P và các con của tôi là: Phan Duy H, Phan Duy H1 và Phan Duy H2. Tài

sản chung là thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13, diện tích là 2480m² (loại đất thổ cư) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996. Tôi yêu cầu được nhận kỷ phần tài sản chung là 1/6 khối tài sản nói trên và đề nghị được nhận kỷ phần tài sản chung bằng hiện vật là đất có diện tích là 413.3m².

- Chia phần di sản thừa kế của cha tôi là ông Nguyễn Phận chết để lại theo quy định pháp luật đối với phần diện tích 413.3 m² thuộc thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996. Tôi yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của mình là 1/5 di sản, tương ứng diện tích đất là 82.66m². Ngoài ra, ông Nguyễn H đã nhượng phần thừa kế của ông cho tôi. Nên tổng kỷ phần thừa kế tôi được nhận tương ứng với diện tích đất là 165.32 m².

- Chia phần di sản thừa kế của mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm để lại theo quy định pháp luật đối với phần diện tích 495.96 m² thuộc thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996. Tôi yêu cầu được nhận 1/4 di sản, tương ứng diện tích đất là 123.99 m². Ngoài ra, ông Nguyễn H đã nhượng phần thừa kế của ông cho tôi. Nên tổng phần thừa kế tôi được nhận từ bà Thái Thị Khâm tương ứng với diện tích đất là 247.98 m².

Tổng giá trị quyền sử dụng đất tôi yêu cầu được nhận là 826.6 m². Tôi đề nghị được nhận tài sản chung và tài sản thừa kế bằng đất. Đối với các thửa đất còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đồng ý quản lý, sở hữu, sử dụng thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13, diện tích là 2480m² (loại đất thổ cư); Thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302 m²; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726 m²; thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760 m²; thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996. Đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của ông P và bà Thái Thị Khâm cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị N tương ứng với số tiền là 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*). Thống nhất với kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng và Kết quả theo chứng thư thẩm định giá tài sản số 5240159/CT-BTCVALUATION ngày 02/5/2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính BTC miền Trung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đồng ý nhận quyền sở hữu, sử dụng các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 cho hộ gia đình ông Nguyễn Phận. Đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Phận cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị Ph số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*). Đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của bà Thái Thị Khâm cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn

Thị Tr số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*). Đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của ông P và bà Thái Thị Khâm cho hàng thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn H tương ứng với số tiền là 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*). Đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế của ông P và bà Thái Thị Khâm cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị Ntrung ứng với số tiền là 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

*** Bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không hợp tác, không cung cấp lời khai, bỏ về khi tham gia phiên hòa giải nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.**

*** Quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr trình bày:** Tôi là Nguyễn Thị Tr là con riêng của bà Thái Thị Khâm. Ngoài ra, theo tôi được biết thì ông Nguyễn Phận (Tên gọi khác là Nguyễn Quang Nghi) và mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm có 03 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị P. Cha mẹ của ông Nguyễn Phận là ông Nguyễn Quang Đồng (chết năm 1955) và bà Phạm Thị Hộ (chết năm 1957). Cha mẹ của bà Thái Thị Khâm là ông Thái Khâm (chết năm 1954) và bà Phạm Thị Xoa (chết năm 1959). Ngoài ra, ông Phận còn có một người con riêng là bà Nguyễn Thị Ph.

Năm 1996, hộ gia đình ông Nguyễn Phận được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 ngày 13/4/1996 đối với các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) tọa lạc tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tại thời điểm này, hộ ông Phận gồm có 06 thành viên gồm: Ông Nguyễn Phận, bà Thái Thị Khâm, bà Nguyễn Thị P và các con của bà P là: Phan Duy H, Phan Duy H1 và Phan Duy H2.

Năm 2002, mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm chết không để lại di chúc. Nay, bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế của mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm thì tôi đồng ý. Tôi đề nghị Tòa án giao các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) tọa lạc tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Phận cho bà P toàn quyền sở hữu, quản lý sử dụng. Tôi đồng ý giao kỷ phần thừa kế của tôi cho bà Nguyễn Thị P, bà P có trách nhiệm chăm lo việc thờ cúng cho mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm.

Đến phiên hòa giải ngày ngày 25/5/2024, bà Nguyễn Thị Tr thay đổi lời trình bày như sau: Tôi đề nghị Tòa án giao các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa

đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) tọa lạc tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Phận cho bà P toàn quyền sở hữu, quản lý sử dụng. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm, tôi yêu cầu được nhận giá trị di sản thừa kế tương ứng với số tiền là 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tôi thống nhất với kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng và Kết quả chứng thư thẩm định giá tài sản số 5240159/CT-BTCVALUATION ngày 02/5/2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính BTC miền Trung.

Đến ngày ngày 23 tháng 7 năm 2024, bà Nguyễn Thị Tr thay đổi lời trình bày như sau: Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm chết để lại. Tôi yêu cầu được nhận giá trị phần di sản thừa kế tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tr là ông Nguyễn Hòa: Đề nghị Tòa án giao các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) tọa lạc tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ gia đình ông P cho bà Nguyễn Thị P được toàn quyền sở hữu, quản lý sử dụng. Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị P hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế của bà Thái Thị Khâm chết để lại cho mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Tr tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*).

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph là bà Quách Thị Th trình bày:** Mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Ph là con riêng của ông P và bà Tấn Thị Tuất. Ngày 03/9/1996, ông ngoại tôi là P chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm có: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị P (*Là con chung của ông P và bà Thái Thị Khâm*), bà Nguyễn Thị Tr là con riêng của bà Thái Thị Khâm. Thời điểm ông ngoại tôi (ông P) còn sống có tạo lập khối tài sản nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ gia đình ông P. Tại thời điểm này, hộ ông Nguyễn Phận có 06 thành viên gồm: Ông Phận, bà Khâm, bà P và các con của bà P là ông H, ông H1, ông H2. Nay, bà P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế thì tôi đồng ý. Tôi xác định di sản của ông Nguyễn Phận chết để lại là 1/6 diện tích và tài sản gắn liền với các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Tôi đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Phận bằng tiền là 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười*

chín triệu, ba trăm nghìn đồng) và đồng ý giao phần đất và tài sản gắn liền với đất cho bà P được toàn quyền quản lý, sở hữu và sử dụng.

*** Quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:** Cha mẹ tôi là ông Nguyễn Phận (Tên gọi khác là Nguyễn Quang Nghi) và bà Thái Thị Khâm có 03 người con chung gồm: Tôi là Nguyễn Thị Nữ, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị P. Cha mẹ của ông Nguyễn Phận là ông Nguyễn Quang Đồng (chết năm 1955) và bà Phạm Thị Hộ (chết năm 1957). Cha mẹ của bà Thái Thị Khâm là ông Thái Khâm (chết năm 1954) và bà Phạm Thị Xoa (chết năm 1959). Ngoài ra, cha tôi còn có một người con riêng là bà Nguyễn Thị Phận và mẹ tôi cũng có một người con riêng là bà Nguyễn Thị Tr.

Năm 1996, hộ gia đình ông P được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 ngày 13/4/1996 đối với các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) tọa lạc tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Tại thời điểm này, hộ ông Phận gồm có 06 thành viên gồm: Ông P, bà Thái Thị Khâm, bà Nguyễn Thị P và các con của bà P là: Phan Duy H, Phan Duy H1 và Phan Duy H2. Ngày 03/9/1996, cha tôi là ông Nguyễn Phận chết không để lại di chúc. Năm 2002, mẹ tôi là bà Thái Thị Khâm chết không để lại di chúc. Tôi thống nhất với kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng và Kết quả chứng thư thẩm định giá tài sản số 5240159/CT-BTCVALUATION ngày 02/5/2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính BTC miền Trung.

Về yêu cầu khởi kiện của bà P: Tôi đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị P được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13, diện tích là 2480m² (loại đất thổ cư); Thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302 m²; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726 m²; thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760 m²; thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462 m² và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996. Bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán lại cho tôi giá trị kỷ phần thừa kế của cha mẹ tôi chết để lại chưa chia tương ứng với số tiền là 438.600.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1, ông Phan Duy H2 thống nhất trình bày:** Chúng tôi thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về thành viên hộ gia đình ông P, về hàng thừa kế, di sản thừa kế và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là mẹ tôi bà Nguyễn Thị P. Chúng tôi thống nhất với kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng và Kết quả chứng thư thẩm định giá tài sản số 5240159/CT-BTCVALUATION ngày 02/5/2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính BTC miền Trung.

Chúng tôi tự nguyện giao phần quyền tài sản chung của chúng tôi trong khối tài

sản chung của hộ gia đình ông P cho mẹ tôi là bà Nguyễn Thị P được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đối với các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13, diện tích là 2480m² (loại đất thổ cư); Thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302 m²; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726 m²; thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760 m²; thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng những quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 118, Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 1995, Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013, Điều 207, 212, 219, điểm a Khoản 1 Điều 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Duy Hoàng, ông Phan Duy Hiệp, ông Phan Duy Hiếu về việc giao kỷ phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của hộ gia đình cho bà Nguyễn Thị P được toàn quyền quản lý, sở hữu và sử dụng. Đề nghị HĐXX giao các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ gia đình ông P cho bà Nguyễn Thị P được toàn quyền quản lý, sở hữu và sử dụng. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế của cụ ông P và cụ bà Thái Thị Khâm chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Nữ tương ứng với mỗi người nhận số tiền 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*). Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Phận chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị Ph tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*). Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế của cụ bà Thái Thị Khâm chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị Tr tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*). Bị đơn ông Nguyễn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Phú Sơn Tây, xã Hòa Khương và đối tượng tranh chấp trong vụ án liên quan đến bất động sản tại xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Do đó, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà

Năng theo quy định khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn H vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị N.

[1.3] Đối với Đơn yêu cầu ghi ngày 04/6/2024 của ông Nguyễn Quang Lịch (là con ruột ông Nguyễn H) đề nghị Tòa án bổ sung ông Lịch vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngày 06/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã ban hành Thông báo số: 249/TB-TA về việc cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích pháp của mình có liên quan đến nội dung vụ án nhưng ông Lịch không thực hiện. Đồng thời, ông Lịch cũng không nằm trong hộ khẩu của ông Nguyễn Phận và không phải là hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản nên Tòa án không chấp nhận việc bổ sung ông Lịch vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 68, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc chia tài sản chung của hộ gia đình thì thấy: Hộ gia đình cụ ông Nguyễn Phận được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 ngày 13/4/1996 đối với các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu). Theo Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: “Tài sản chung của hộ gia đình gồm tài sản do các thành viên cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ. Quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình cũng là tài sản chung của hộ”. Theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”. Quá trình tham gia tố tụng các đương sự trong vụ án đều thống nhất xác định hộ gia đình cụ ông Nguyễn Phận gồm các thành viên: Cụ ông Nguyễn Phận, cụ bà Thái Thị Khâm, bà Nguyễn Thị P, ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2. Các hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Nguyễn Phận và cụ bà Thái Thị Khâm gồm các ông bà: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị P cũng thống nhất xác định kỹ phần tài sản của cụ ông Nguyễn Phận và cụ bà Thái Thị Khâm trong khối tài sản chung của hộ gia đình mỗi người là 1/6 diện tích và tài sản gắn liền với các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 ngày 13/4/1996. Các thành viên khác của hộ gia đình gồm: ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2 cũng thống nhất với việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc chia tài sản chung của hộ gia đình là phù hợp với quy định tại Điều 207, 212, 219 Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2 về việc giao kỷ phần tài sản của ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2 trong khối tài sản chung của hộ gia đình cho bà P trực tiếp quản lý, sở hữu và sử dụng. HĐXX thấy rằng việc thỏa thuận này giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2 và bà P.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc chia di sản thừa kế thì thấy: Tháng 9/1996, cụ ông Nguyễn Phận chết không để lại di chúc. Đến năm 2002, cụ bà Thái Thị Khâm chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Phận gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị P (*con chung của cụ Phận và cụ Khâm*) và bà Nguyễn Thị Ph (*con riêng của cụ Phận*). Hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Thái Thị Khâm gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị P (*con chung của cụ Phận và cụ Khâm*) và bà Nguyễn Thị Tr (*con riêng cụ Khâm*).

Về di sản thừa kế của cụ Phận và cụ Khâm chết để lại: Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất di sản cụ Phận, cụ Khâm là quyền về tài sản trong khối tài sản chung của hộ gia đình tương ứng mỗi người là 1/6 diện tích và tài sản gắn liền với các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 ngày 13/4/1996 cấp cho hộ gia đình cụ ông Phận. Giá trị là di sản thừa kế của cụ Phận và cụ Khâm được thống nhất xác định là 1.754.400.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm năm mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phận và cụ Khâm gồm: Bà N, người đại diện theo ủy quyền của bà Ph là bà Thận, người đại diện theo ủy quyền của bà Tr là ông Hòa và bà P đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế như sau:

- Bà Nguyễn Thị P có nguyện vọng xin nhận kỷ phần di sản thừa kế của cụ Phận và cụ Khâm bằng hiện vật là đất và đồng ý bồi trả giá trị kỷ phần di sản thừa kế cho bà N, ông H và bà Ph, bà Tr.

- Bà Nguyễn Thị N đề nghị nhận kỷ phần di sản thừa kế của cụ Phận và cụ Khâm bằng giá trị tương ứng với số tiền 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Ph đề nghị nhận kỷ phần di sản thừa kế của cụ Phận bằng giá trị tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Tr đề nghị nhận kỷ phần di sản thừa kế của cụ Khâm bằng giá trị tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Đối với ông Nguyễn H là người thừa kế của cụ Phận và cụ Khâm. Ngày 26/7/2005, ông Nguyễn H cùng vợ là Thái Thị Cử lập Giấy chuyển quyền thừa kế có nội dung: “*Chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ nhà cửa đất đai vườn tược mà cha mẹ để lại cho em tôi là Nguyễn Thị P. Kể từ dưới mộng dẫn nước lớn từ đập đồng*

nghe chảy về qua khu vực phía tây nam gò cà trở xuống hướng đông”. Giấy chuyển quyền thừa kế này được Trưởng Ban nhân dân thôn Phú Sơn Tây ký xác thực ngày 12/11/2005. Qua xem xét Giấy chuyển quyền thừa kế nêu trên thì thấy có nội dung ông Nguyễn H từ chối nhận di sản thừa kế. Tuy nhiên, nội dung từ chối nhận di sản này không thể hiện cụ thể di sản bị từ chối có liên quan đến các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 ngày 13/4/1996 hay không? Đồng thời theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 1995 thì: “Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản; người từ chối phải báo cho những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản, Công chứng nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm mở thừa kế về việc từ chối nhận di sản. Thời hạn từ chối nhận di sản là sáu tháng, kể từ ngày mở thừa kế.”. Theo đó, cụ Phận chết năm 1996 và cụ Khâm chết năm 2002. Đến năm 2005, ông Hạnh mới lập Giấy chuyển quyền thừa kế là đã hết thời hạn theo quy định nêu trên. Đồng thời lời khai của các hàng thừa kế khác cũng xác định không biết việc ông Hạnh có lập văn bản từ chối nhận di sản. Do đó nội dung từ chối nhận di sản này không có giá trị pháp lý ràng buộc đối với ông Hạnh nên ông Hạnh vẫn còn quyền thừa kế di sản của cụ Phận và cụ Khâm. Tại phiên tòa, bà P tự nguyện hoàn trả cho ông Nguyễn H kỷ phần di sản thừa kế như các hàng thừa kế khác bằng giá trị tương ứng với số tiền 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*). Nội dung thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của các đương sự và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Đã tạm ứng và chi xong.

- Về án phí:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 và có đơn xin miễn nộp tiền án phí DSST nên HĐXX miễn nộp tiền án phí DSST đối với bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Ph.

+ Bị đơn ông Nguyễn H phải chịu án phí DSST tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế được nhận là: 20.000.000 đồng + 38.600.000 đồng x 4% = 21.544.000 đồng (*Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*)

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí DSST tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế được nhận là: 20.000.000 đồng + 38.600.000 đồng x 4% = 21.544.000 đồng (*Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*)

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí DSST tương ứng với kỷ phần thừa kế được nhận là: 219.300.000 đồng x 5% = 10.965.000 đồng (*Mười triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

[2.4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 118, Điều 645 Bộ luật dân sự năm 1995, Khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013, Điều 207, 212, 219, điểm a Khoản 1 Điều 650, Điều 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc chia tài sản chung của hộ gia đình.

1.1. Xác định các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ ông P là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình gồm: Cụ ông P, cụ bà Thái Thị Khâm, bà Nguyễn Thị P, ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2

1.2. Xác định phần quyền tài sản của cụ ông P, cụ bà Thái Thị Khâm, bà Nguyễn Thị P, ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2 trong khối tài sản chung của hộ gia đình tương ứng mỗi người được hưởng là 1/6 các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996.

1.3. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2 về việc tự nguyện giao phần quyền tài sản của ông Phan Duy H, ông Phan Duy H1 và ông Phan Duy H2 trong khối tài sản chung của hộ gia đình cho bà Nguyễn Thị P được toàn quyền quản lý, sở hữu và sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc chia di sản thừa kế.

2.1. Giao các thửa đất số 797, tờ bản đồ số 13 diện tích là 2480m² (đất thổ cư), thửa đất số 926, tờ bản đồ số 13 diện tích 302m² (đất màu); thửa đất số 12, tờ bản đồ số 19 diện tích 726m² (đất màu); thửa đất số 15, tờ bản đồ số 19 diện tích 760m² (đất màu); thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 diện tích 462m² (đất màu) và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I210829 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 13/4/1996 đứng tên hộ gia đình ông P cho bà Nguyễn Thị P được toàn quyền quản lý, sở hữu và sử dụng.

Bà Nguyễn Thị P được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế của cụ ông P và cụ bà Thái Thị Khâm chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn H tương ứng với số tiền 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

2.3. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế của cụ ông P và cụ bà Thái Thị Khâm chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị N tương ứng với số tiền 438.600.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

2.4. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế của cụ ông P chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị Ph tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*).

2.5. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế của cụ bà Thái Thị Khâm chết để lại cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị Tr tương ứng với số tiền 219.300.000 đồng (*Hai trăm mười chín triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Tr có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Nguyễn Thị P phải thanh toán, nếu bà Nguyễn Thị P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 BLDS.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc ông Nguyễn H phải chịu án phí DSST là: 21.544.000 đồng (*Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

+ Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí DSST là: 21.544.000 đồng (*Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí DSST là: 10.965.000 đồng (*Mười triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

3. Nguyên đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP.Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;

- Lưu HSVA.

Phạm Phú Đạt